**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ KẾT CẤU THÉP PHÁT TRIỂN**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ KẾT CẤU THÉP PHÁT TRIỂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEVELOPMENT STEEL STRUCTURE AND INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108037453

**3. Ngày thành lập:** 26/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hưng Đạo, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0988282299/0982676272* Fax:

Email: *phattrien2017@gmail.com* Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1. | Xây dựng nhà các loại | *4100(Chính)* |
| 2. | Phá dỡ | *4311* |
| 3. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | *4659* |
| 4. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | *4662* |
| 5. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | *4663* |
| 6. | Cho thuê xe có động cơ | *7710* |
| 7. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ thiết kế đô thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất | *7410* |
| 8. | Chuẩn bị mặt bằng | *4312* |
| 9. | Lắp đặt hệ thống điện | *4321* |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | *4322* |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | *4329* |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng | *4330* |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | *4390* |
| 14. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | *2420* |
| 15. | Sản xuất các cấu kiện kim loại | *2511* |
| 16. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác | *3822* |
| 17. | Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí | *3012* |
| 18. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn | *3311* |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị | *3312* |

| | | |
|---|---|---|
| 20. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học | *3313* |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện | *3314* |
| 22. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | *3315* |
| 23. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | *3600* |
| 24. | Thoát nước và xử lý nước thải | *3700* |
| 25. | Thu gom rác thải không độc hại | *3811* |
| 26. | Thu gom rác thải độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải y tế | *3812* |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | *4641* |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình | *4649* |
| 29. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | *4620* |
| 30. | Bán buôn đồ uống | *4633* |
| 31. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | *4669* |
| 32. | Bán buôn tổng hợp | *4690* |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống | *5630* |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | *7730* |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại | *8230* |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | *4290* |
| 37. | Xây dựng công trình công ích | *4220* |
| 38. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | *4210* |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp | *4653* |
| 40. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | *4661* |
| 41. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | *4933* |
| 42. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | *5210* |
| 43. | Quảng cáo | *7310* |
| 44. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | *5610* |
| 45. | Dịch vụ ăn uống khác | *5629* |
| 46. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | *8130* |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | *8299* |
| 48. | Trồng cây lâu năm khác | *0129* |
| 49. | Trồng rừng và chăm sóc rừng | *0210* |
| 50. | Khai thác gỗ | *0221* |
| 51. | Khai thác quặng sắt | *0710* |
| 52. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | *0810* |
| 53. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | *1080* |
| 54. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | *1104* |

| | | |
|---|---|---|
| 55. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | *1629* |
| 56. | Sản xuất sắt, thép, gang | *2410* |
| 57. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại | *2512* |
| 58. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | *2592* |
| 59. | Đóng tàu và cấu kiện nổi | *3011* |
| 60. | Tái chế phế liệu | *3830* |
| 61. | Bán buôn thực phẩm | *4632* |
| 62. | Bán buôn gạo | *4631* |
| 63. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào | *4634* |
| 64. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô. | *4932* |
| 65. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | *4752* |
| 66. | Sửa chữa thiết bị khác | *3319* |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | Thôn Hưng Đạo, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 130.000 | 1.300.000.000 | 43,333 | 111649162 | |
| | | | Tổng số | 130.000 | 1.300.000.000 | 43,333 | | |
| 2 | PHÙNG CÔNG MẠNH | Thôn Đoài, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 70.000 | 700.000.000 | 23,333 | 001087019591 | |
| | | | Tổng số | 70.000 | 700.000.000 | 23,333 | | |
| 3 | PHÙNG CÔNG TÙNG | Thôn Hưng Đạo, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 33,333 | 111682404 | |
| | | | Tổng số | 100.000 | 1.000.000.000 | 33,333 | | |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)* | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

***** Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG Giới tính: *Nữ*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *14/09/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *111649162*
Ngày cấp: *02/07/2013* Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hưng Đạo, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hưng Đạo, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội